

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 135

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở gà, củ cải, hoa hời, xà lách búp, húng quế, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo, nấm mèo nhồi đậu hũ sốt cà chua
- Canh su su, củ dền nấu thịt bò, hành ngò
- Rau muống luộc
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp tôm tươi, bí đỏ, bông cải trắng, nấm đùi gà, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,700	3,140	53,380
2	0494	Đường cát	1,200	3,880	46,560
3	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,200	2,560	184,320
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	5,250	21,000
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	250	8,720	21,800
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
10	0739	Quế	40	61,600	24,640
11	0172	Rau xà lách	400	5,990	23,960
12	0645	Bánh phở khô	2,000	8,800	176,000
13	0103	Củ cải trắng	500	3,050	15,250
14	0158	Rau húng	150	11,030	16,545
15	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
16	N0772	Thịt ức gà	1,700	12,920	219,640
17	N0809	Đậu hũ chiên	3,650	6,600	240,900
18	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	120	21,450	25,740
19	0087	Cà chua	2,000	7,350	147,000
20	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	1,700	21,950	373,150
21	N0770	Thịt nạc dăm	2,300	18,800	432,400
22	0180	Su su	1,800	3,260	58,680
23	0286	Thịt bò loại II	1,000	37,280	372,800
24	0748	Rau muống	1,100	3,360	36,960
25	0649	Bột năng	1,200	4,812.5	57,750

26	0085	Bí đỏ (bí ngô)	1,000	3,990	39,900
27	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	900	8,090	72,810
28	0635	Nấm đùi gà	300	10,920	32,760
29	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
30	0424	Tôm sú	1,500	36,540	548,100
31	0455	Sữa chua	6,750	9,440	637,200
32	0457	Sữa bột toàn phần	4,118.78	20,500	844,350
33	N0795	Củ dền	2,000	5,250	105,000
Tổng cộng					4,995,000

Tổng tiền thực phẩm	4,995,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,995,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	20,128,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	20,128,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan